TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH CỬU
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 64/2024/HNGĐ-ST
Ngày 24/7/2024
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Đại.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Bình.
2. Bà Nguyễn Ngọc Cúc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đình Vạn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tất B - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 144/2024/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2024, về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 115/2024/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị K, sinh năm 1989;
Nơi cư trú: Tổ A, ấp C, xã V, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thế X, sinh năm 1983;

Nơi cư trú: Tổ A, ấp C, xã V, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Đơn khởi kiện, Bản tự khai và quá trình giải quyết nguyên đơn bà Trần Thị K trình bày:*

Về hôn nhân: Bà và ông X tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 10/9/2007. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính cách ngày càng khác biệt nên không còn quan tâm lẫn nhau, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vả lẫn nhau, gây gỗ lẫn nhau, nhưng vì con nên bà cố gắng chịu đựng và hòa giải nhiều lần để vợ chồng chung sống hòa thuận nhưng không được, bà và ông X đã ly thân với nhau. Bà K xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông X.

Về con chung: Bà và ông X có 02 con chung là Nguyễn Thành L, sinh ngày 24/10/2008 và Nguyễn Thành L1, sinh ngày 17/11/2016. Ly hôn, bà đồng ý giao hai con chung cho ông X trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Bà K tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung với mức cấp dưỡng cho mỗi con là 1.500.000đồng/tháng (một triệu năm trăm ngàn đồng). Tổng cộng hai con là 3.000.00đồng/tháng (ba triệu đồng).

Về tài sản chung: Bà K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Bị đơn ông Nguyễn Thế X đã được Toà án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án làm việc và cung cấp lời khai.*

** Ý kiến của Kiểm sát viên:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, nguyên đơn chấp hành đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không đến Tòa án làm việc gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án.

- Về việc giải quyết vụ án:

+ Về hôn nhân: Bà K và ông X trong quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà K.

+ Về con chung: Bà K và ông X có 02 con chung là Nguyễn Thành L, sinh ngày 24/10/2008 và Nguyễn Thành L1, sinh ngày 17/11/2016. Ly hôn, giao hai con chung cho ông X trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Bà K tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung với mức cấp dưỡng cho mỗi con là 1.500.000đồng/tháng (một triệu năm trăm ngàn đồng). Tổng cộng hai con là 3.000.00đồng/tháng (ba triệu đồng).

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

+ Về án phí: Đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

+ Các đương sự được quyền kháng cáo theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền, thủ tục tố tụng:

Bị đơn ông X cư trú tại xã V, huyện V, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân:

Nguyên đơn và bị đơn tự nguyện đăng ký kết hôn có ấy"Giấy chứng nhận kết hôn năm 2007. Căn cứ Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống giữa vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, bà K khởi kiện ly hôn nên Tòa án áp dụng Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 và Luật Hônvà Giađình năm 2014 để giải quyết.

Xét giữa bà K và ông X có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, thường xuyên xảy ra cãi vã, vợ chồng sống ly thân, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Hai vợ chồng đã tìm cách hòa giải, khắc phục mâu thuẫn nhưng không có kết quả.

Quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành hòa giải theo quy định nhưng ông X vắng mặt, không tham gia phiên hòa giải đoàn tụ và không tham gia tố tụng tại phiên tòa, chứng tỏ ông X không quan tâm đến quan hệ hôn nhân của mình.

Qua xác minh tại chính quyền địa phương thì giữa bà K và ông X có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân đúng như bà K đã trình bày.

Từ những nhận định trên, đủ cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa bà K và ông X là có thật, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà K, bà K được ly hôn với ông X.

Về con chung: Bà K và ông X có 02 con chung là Nguyễn Thành L, sinh ngày 24/10/2008 và Nguyễn Thành L1, sinh ngày 17/11/2016. Hiện nay hai con chung đang sống chung với ông X, bà K đồng ý giao hai con chung cho ông X trực tiếp nuôi dưỡng. Ông X có đi làm, có thu nhập đảm bảo cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà K, giao con chung là Nguyễn Thành L, sinh ngày 24/10/2008 và Nguyễn Thành L1, sinh ngày 17/11/2016 cho ông X trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: bà K tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung với mức cấp dưỡng cho mỗi con là 1.500.000đồng/tháng (một triệu năm trăm ngàn đồng). Tổng cộng hai con là 3.000.00đồng/tháng (ba triệu đồng).

Sau khi ly hôn, bà K được quyền thăm nom con không ai được cản trở. Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà K không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Bà K khai không có, nên không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn bà K khởi kiện về ly hôn nên phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

[4] Đề nghị của Kiểm sát viên phù hợp nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 203, Điều 220, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân dân sự;

- Điều 9, Điều 19, Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 69, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Điều 39 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị K về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con với ông Nguyễn Thế X.

- Về hôn nhân: Bà Trần Thị K được ly hôn đối với ông Nguyễn Thế X.

- Về con chung: Giao con chung Nguyễn Thành L, sinh ngày 24/10/2008 và Nguyễn Thành L1, sinh ngày 17/11/2016 cho ông Nguyễn Thế X trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Bà K tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung với mức cấp dưỡng cho mỗi con là 1.500.000đồng/tháng (một triệu năm trăm ngàn đồng). Tổng cộng hai con là 3.000.00đồng/tháng (ba triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Sau khi ly hôn, bà K được quyền thăm nom con không ai được cản trở. Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Nguyên đơn bà Trần Thị K phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con. Tổng cộng là 600.000đ (sáu trăm nghìn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà K đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009314 ngày 25 tháng 3 năm 2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai. Bà K phải nộp tiếp số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

3. Kể từ ngày ông X có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà K không cấp dưỡng nuôi con với số tiền như trên thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định của Tòa án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7,

7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự..

4. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo luật định.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- UBND xã Vĩnh Tân
- VKSND huyện Vĩnh Cửu;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Cửu;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, lưu trữ cơ quan.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đức Đại